

Số: **39**/BC-UBND

Quan Sơn, ngày **28** tháng **02** năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2017 trên địa bàn huyện.

Căn cứ luật đất đai 2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Thủ tướng Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật đất đai 2013;

Căn cứ Thông tư 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 V/v quy định về thông kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Chỉ Thị 21/CT-TTg ngày 01/8/2014 của Thủ tướng Chính Phủ V/v kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014;

Thực hiện Công văn số 6719/STNMT-ĐDBĐ ngày 30/11/2017 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện thống kê đất đai năm 2017.

UBND huyện Quan Sơn giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện thống kê đất đai và xây dựng kế hoạch thống kê đất đai, dựa vào các tài liệu sẵn có của địa phương khảo sát thực địa, khoanh vẽ những thửa đất biến động lên trên bản đồ làm căn cứ để xây dựng bản đồ nền, thống kê từng loại đất có đến ngày 31/12/2017 kết quả thực hiện công tác tổng thống kê đất đai năm 2017 đạt được cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - KT-XH

I - ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN:

1. Vị trí địa lý

Quan Sơn là huyện miền núi nằm phía Tây Bắc tỉnh Thanh Hóa.

Có vị trí địa lý:

- Từ $21^{\circ}06'15''$ - $20^{\circ}24'30''$ vĩ độ Bắc.

- Từ $104^{\circ}15'30''$ - $105^{\circ}08'25''$ kinh độ Đông.

Có ranh giới hành chính như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Quan Hóa.

- Phía Tây và Nam giáp nước CHDCND Lào.

- Phía Đông giáp huyện: Lang Chánh, Bá Thước.

Tổng diện tích tự nhiên 92.662.45 ha, trên địa bàn huyện có 13 đơn vị hành chính, gồm 12 xã và thị trấn Quan Sơn. Trung tâm huyện lỵ đóng tại Km 35 Quốc Lộ 217 (thị trấn huyện Quan Sơn).

Huyện có vị trí địa lý chiến lược về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa, đồng thời là vùng đầu nguồn của hệ thống sông Mã, có ý nghĩa rất lớn về phòng hộ, tạo nguồn sinh thủy dự trữ nguồn nước, giảm tác động thiên tai và bảo vệ môi trường, tạo cân bằng hệ sinh thái đối với cả tỉnh.

Trên địa bàn huyện có tuyến giao thông đường bộ Quốc lộ 217 chạy qua, là tuyến đường kết nối đường 1A, đường Hồ Chí Minh với nước bạn Lào qua Cửa khẩu quốc tế Na Mèo và cửa khẩu tiểu ngạch Tam Thanh - Sầm Tó là điều kiện thuận lợi về giao lưu kinh tế và hợp tác phát triển.

2. Địa hình

Là huyện vùng cao, địa hình hiểm trở, diện tích bề mặt bị chia cắt mạnh bởi sông Luông và sông Lò, có các dãy núi cao kéo dài thành dải theo hướng Tây Bắc - Đông Nam như: đỉnh Pù Mẩn - Sơn Hà cao 1247m; đỉnh Pha Panh - Sơn Điện. Sơn Lư cao 1146-1346m; Hướng núi thấp dần từ Tây sang Đông, có trên 91% diện tích là đồi núi, với các cấp độ dốc như sau:

- Đất có độ dốc cấp I ($< 3^\circ$): 4,48ha; chiếm gần 0,005% diện tích tự nhiên.
- Có độ dốc cấp II ($4-8^\circ$): 214,86 ha; chiếm 0,23%.
- Có Độ dốc cấp III ($9-15^\circ$): 2.285,21 ha; chiếm 2,46%.
- Có độ dốc cấp IV, V, VI ($> 15^\circ$): 90.512,48 ha; chiếm 97,31%.

3. Khí hậu, thời tiết

Huyện Quan Sơn thuộc vùng khí hậu núi cao phía Tây Bắc của tỉnh Thanh Hóa.

Nhiệt độ không khí trung bình năm 23°C , nhiệt độ không khí tối cao tuyệt đối $39-40^\circ\text{C}$ vào tháng 5, tháng 7; tối thấp tuyệt đối $2,6^\circ\text{C}$ vào tháng 12, tháng 1. Tổng nhiệt độ năm 8000-8400 $^\circ\text{C}$.

Lượng mưa trung bình năm trên 1900 mm, mùa mưa tập trung từ tháng 5 đến tháng 10 (lượng mưa trên 100 mm). Tháng có lượng mưa < 100 mm là tháng 12 và từ tháng 1 đến tháng 4 năm sau. Số ngày mưa 194 ngày/năm, tháng có số ngày mưa nhiều nhất là tháng 6;7; 8.

Độ ẩm không khí tương đối trung bình năm 87%, thấp nhất 84% vào tháng 5, cao nhất 88% vào tháng 8, tháng 9. Tổng số giờ nắng trong năm trung bình là 1.684 giờ.

Lượng bốc hơi trung bình năm 628,9 mm/năm, cao nhất vào tháng 7 là 78 mm, thấp nhất vào tháng 1 là 40,3 mm.

Bão và áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng từ tháng 7 đến tháng 10, trung bình 2 cơn/năm, thường mang theo mưa lớn gây lũ lụt.

4. Các nguồn tài nguyên

4.1. Tài nguyên đất

Tổng diện tích tự nhiên là 92.662,45 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 82.520,25 ha; chiếm 89,10 % diện tích tự nhiên.
- + Đất sản xuất nông nghiệp: 2.528,58 ha; chiếm 2,74%.
- + Đất cho sản xuất lâm nghiệp: 79.919,04 ha; chiếm 86,28%.
- Đất phi nông nghiệp: 2.622,29 ha; chiếm 2,78%.
- Đất chưa sử dụng: 7.519,91 ha; 8,12 %.

Theo kết quả điều tra, phân loại đất theo FAO–UNESCO thổ nhưỡng Quan Sơn có các loại đất như sau:

- Nhóm đá Mác ma axít: có đá mẹ Granít, Riolit.
- Nhóm đá Trầm tích; có đá Sa thạch, Phiến thạch, đá Vôi.

4.2. Tài nguyên nước

Nguồn nước mặt chủ yếu là nguồn nội sinh của các sông, suối thuộc hệ thống sông Mã; trên địa bàn huyện có trên 300 khe, suối lớn, nhỏ thường xuyên có nước. Việc trữ nước cho sản xuất chủ yếu bằng các đập ngăn nhỏ, hiện trên địa bàn huyện có trên 40 đập ngăn giữ nước phục vụ phát triển sản xuất và cấp nước sinh hoạt cho nhân dân. Có 2 sông lớn là Sông Luông và Sông Lò;

- Sông Luông là một nhánh lớn bên hữu ngạn sông Mã có tổng chiều dài 102 km; diện tích lưu vực là 1.590km², đoạn chảy qua huyện dài 48km.

- Sông Lò tổng chiều dài sông là: 74,5 km, diện tích lưu vực 792 km². Đoạn chảy qua địa bàn huyện dài trên 38 km.

Hệ thống sông suối của Quan Sơn có nhiều tiềm năng cho xây dựng các hồ, đập phục vụ tưới thủy lợi; có nhiều vị trí có thể xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ, bổ sung điện năng cho lưới điện Quốc gia và phục vụ phát triển sản xuất như: Na Mèo (trên sông Luông); Trung Thượng, Tam Lư, Trung Xuân (trên sông Lò)...

4.4. Tài nguyên khoáng sản

Nguồn tài nguyên khoáng sản chủ yếu của huyện Quan Sơn là đá Vôi, cát sỏi ở ven sông Lò, sông Luông. Ngoài ra theo kết quả điều tra năm 2007 trên địa bàn huyện còn có các loại khoáng sản gồm: Mỏ chì, kẽm ở xã Sơn Thủy; Chì, bạc ở xã Sơn Hà; Sắt ở xã Tam Lư; Molipden ở Mường Mìn; Graphit ở xã Na Mèo, đến nay vẫn chưa xác định được trữ lượng.

5. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên

- Thuận lợi

Nhìn chung khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều, có nhiều nhóm loại đất để bố trí cơ cấu cây trồng phù hợp; diện tích rừng và đất lâm nghiệp chiếm phần lớn là tiềm năng để đầu tư phát triển rừng sản xuất theo hướng đồi rừng là chính. Hệ thống sông suối có khả năng phục vụ nước sinh hoạt và nước tưới cho sản xuất nông nghiệp ổn định nếu được bảo vệ rừng đầu nguồn.

- Khó khăn

Địa hình núi cao, bị chia cắt mạnh, độ dốc lớn, giao thông đi lại còn khó khăn nhất là mùa mưa lũ. Khí hậu thời tiết có nhiều yếu tố bất lợi, tạo nguy cơ gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống: như mưa lớn tập trung vào mùa mưa, kết hợp địa hình cao, dốc gây nên lũ quét, sạt lở, xói mòn đất. Chất lượng nước Sông Luông có nguy cơ ngày càng ô nhiễm không thể phục vụ nước sinh hoạt; khả năng phục vụ nước tưới cho sản xuất hạn chế vì xây dựng trạm bơm điện chi phí đầu tư và duy trì hoạt động lại quá cao.

Để khai thác tiềm năng khí hậu, tránh được các yếu tố bất lợi cho nông nghiệp, trong sản xuất cần ứng dụng nông lâm kết hợp, bảo vệ rừng đầu nguồn thực hiện các công thức luân canh tăng vụ như: tăng diện tích gieo trồng vụ đông, chuyển đổi vụ mùa, nhằm không chỉ bảo vệ cây trồng mà còn bảo vệ được tài nguyên đất, nước, bảo vệ môi trường.

II/ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI:

1. Kinh tế tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; một số chỉ tiêu chủ yếu vượt kế hoạch (KH) và tăng cao so với cùng kỳ (CK).

Tổng giá trị sản xuất (giá SS 2010) ước đạt 1.424 tỷ đồng, tăng 11,2% so với KH, tăng 12,3% so CK. Trong đó: nông, lâm, thủy sản đạt 610 tỷ đồng, tăng 1,1% so với KH, tăng 8,3% so với CK; công nghiệp - xây dựng đạt 239 tỷ đồng, tăng 0,4% so với KH, tăng 4,8% so CK; dịch vụ đạt 575 tỷ đồng, tăng 31% so với KH, tăng 20,8% so CK. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 45%; công nghiệp - xây dựng chiếm 17%; dịch vụ chiếm 38%. Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 21.2 triệu đồng, tăng 0,95% so với KH, tăng 16% so với CK.

1.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục phát triển ổn định, việc rà soát, xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với quy hoạch phát triển vùng trồng cây được liệu được chỉ đạo quyết liệt, từng bước đáp ứng mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo tinh thần NQ số 04-NQ/HU ngày 29/7/2016 của BCH Đảng bộ huyện.

Giá trị sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt ước đạt 156 tỷ đồng, tăng 7,6% so với CK. Tổng diện tích gieo trồng đạt 6.898 ha, giảm 1,4% so với KH, giảm 9,5% so với CK. Diện tích lúa đạt 2.407 ha, giảm 0,9% so với CK; năng suất đạt 46,6 tạ/ha, tăng 2,2% so với KH, tăng 7,0% so với CK; sản lượng đạt 11.227 tấn, tăng 6,9% so với KH, tăng 6,0% so với CK; sản lượng ngô ước đạt 4.856 tấn, giảm 2,8% so với KH, giảm 7,4% so với CK. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 16.083 tấn, tăng 5,1% so với KH, tăng 1,5% so với CK. Lương thực có hạt bình quân đầu người đạt 428 kg/người/năm.

Chăn nuôi phát triển ổn định, công tác phòng dịch được chú trọng, tiêm phòng đạt 100% KH tỉnh giao. Giá trị sản xuất ước đạt 136 tỷ đồng. Tính đến ngày 01/10/2017, tổng đàn trâu có 5.116 con, giảm 7,4% so với CK; đàn bò 9.945 con, tăng 8,1% so với CK; đàn lợn 17.569 con, tăng 1,4% so với CK; gia cầm 151 nghìn con, tăng 2,7% so với CK. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 3.911 tấn, tăng 1,7% so với CK. Trong đó: Trâu 374 tấn; bò 554 tấn, lợn 2.625 tấn; gia cầm 267 tấn.

Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp ước đạt 312 tỷ đồng, tăng 4% so với KH, tăng 8% so với CK; trồng rừng tập trung 160 ha, trồng cây phân tán 12 nghìn cây, khoanh nuôi tái sinh 1.041 ha, chăm sóc 7.958 ha, bảo vệ 30,9 nghìn ha; khai thác gỗ 1.384 m³, củi 63 nghìn Ste; tre, luồng 1.825 nghìn cây; nguyên liệu nan thanh (nứa, vầu) 59 nghìn tấn; trong năm không xảy ra cháy rừng; tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 88,58% vượt KH đề ra; đã kiểm tra, phát hiện, xử lý 54 vụ vi phạm hành chính, nộp ngân sách 516 triệu đồng; hiện nay đang tiến hành giao đất, giao rừng đến hộ gia đình trên diện tích UBND xã quản lý, chia tách nhóm hộ nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất lâm nghiệp của nhân dân.

Sản xuất và khai thác thủy sản có bước phát triển. Giá trị sản xuất ước đạt 5,6 tỷ đồng, tăng 3,6% so với KH, tăng 11,6% so với CK. Tổng sản lượng khai thác nuôi

trồng 186,5 tấn (chủ yếu là cá), trong đó: nuôi trồng 134,5 tấn, khai thác 52 tấn. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 59 ha.

Công tác phòng, tránh lụt bão, khắc phục hậu quả thiên tai được tập trung chỉ đạo thực hiện; cơn bão số 2 và ATNĐ đã gây thiệt hại về người, tài sản, các công trình hạ tầng, tổng thiệt hại ước tính khoảng 163 tỷ đồng. Các cấp, các ngành đã tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai kịp thời, giúp nhân dân sớm ổn định đời sống, sản xuất.

Chương trình xây dựng nông thôn mới đạt kết quả tích cực; đã rà soát xong quy hoạch xây dựng nông thôn mới 12/12 xã giai đoạn 2017- 2020, định hướng đến năm 2025; năm 2017, dự kiến có 06 bản được công nhận đạt chuẩn NTM, nâng tổng số bản đạt chuẩn NTM trên địa bàn huyện lên 14 bản; bình quân các xã đạt 11,6 tiêu chí/xã, 10,5 tiêu chí/bản, vượt chỉ tiêu Nghị quyết HĐND huyện đề ra.

Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, bước đầu đã có một số nội dung chuyển biến tích cực: Tập trung phát triển vùng được liệt kê theo chuỗi giá trị huyện Quan Sơn đến năm 2020; xây dựng 4 mô hình kinh tế với cơ cấu giống mới như: Mô hình trồng Sa nhân; Đinh lăng; Mô hình tổng hợp vườn rừng, chuồng trại và mô hình phát triển chăn nuôi đại gia súc theo nhóm hộ. Thu hút 02 doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực được liệt kê; 01 doanh nghiệp đầu tư thâm canh, chế biến lâm sản và xây dựng chứng chỉ rừng; thu hút 01 doanh nghiệp đầu tư thực hiện chuyển đổi mô hình Chợ Na Mèo, 01 dự án xây dựng mới chợ Tam Thanh nhằm gắn kết thị trường với phát triển sản xuất, tạo ra chuỗi giá trị theo mục tiêu Nghị quyết đề ra.

1.2. Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng duy trì tốc độ tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 64 tỷ đồng, tăng 6,7% so với KH, tăng 10,3% so với CK. Trong đó: công nghiệp khai thác 17,9 tỷ đồng, tăng 2,9% so với CK; công nghiệp chế biến 46,1 tỷ đồng, tăng 13,5% so với CK. Sản phẩm CN và TTCN chủ yếu là các mặt hàng như: Đá xây dựng, tấm, dũa, mộc dân dụng... góp phần giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 788 tỷ đồng, tăng 12,6% so với KH, tăng 20,3% so với CK. Trong đó: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản đạt 426 tỷ đồng (*Vốn Trung ương quản lý 100 tỷ, vốn địa phương quản lý 222 tỷ đồng, vốn ngoài nhà nước và vốn dân cư 104 tỷ đồng*), các nguồn vốn khác 362 tỷ đồng.

Môi trường đầu tư được cải thiện, hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp được quan tâm; đã vận động thành lập mới 16 DN, chuyển đổi đăng ký hoạt động 01 DN, vượt kế hoạch huyện giao (17/15), vượt 70% kế hoạch tỉnh giao (17/10); kêu gọi được 6 doanh nghiệp đầu tư, với quy mô vốn đăng ký gần 110 tỷ đồng (*5 DN chế biến lâm sản, 01 DN phát triển được liệt kê*).

1.3. Các ngành dịch vụ chủ yếu có bước phát triển khá; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 267 tỷ đồng, tăng 14,1% so với CK. Xuất khẩu tiêu ngạch ước đạt 1,56 triệu USD, tăng 8,3% so với CK.

Hoạt động xúc tiến đầu tư, quảng bá về du lịch được đẩy mạnh; hiện nay huyện đang đầu tư xây dựng tour du lịch Quan Sơn - Viêng Xay, dự kiến công bố vào đầu năm 2018.

Dịch vụ vận tải đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hoá của nhân dân. Doanh thu vận tải đạt 33,6 tỷ đồng, tăng 11,8% so với KH, tăng 7,7% so với CK; hàng hoá luân chuyển đạt 2.800 nghìn tấn.km; vận chuyển hành khách đạt 120 nghìn lượt, tăng 0,8% so với CK. Dịch vụ bưu chính, viễn thông phát triển ổn định, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc.

Tín dụng ngân hàng tăng trưởng khá so cùng kỳ, đảm bảo nguồn vốn cho nhân dân vay phát triển sản xuất, kinh doanh. Huy động vốn của các tổ chức tín dụng tính đến ngày 30/11/2017 đạt 125 tỷ đồng. Tổng dư nợ Ngân hàng NN&PTNT đạt 183 tỷ đồng, Ngân hàng Chính sách xã hội dư nợ 182 tỷ đồng.

1.4. Công tác thu ngân sách được quan tâm chỉ đạo; tổng thu NSNN trên địa bàn (chưa bao gồm thu kết dư, thu chuyển nguồn, thu hồi các khoản chi năm trước) ước đạt 24.3 tỷ đồng, đạt 104% dự toán HĐND huyện giao, bằng 113% so với CK năm 2016. Trong đó: ngân sách huyện-xã hưởng 21,3 tỷ đồng. Chi ngân sách bám sát dự toán giao, sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả; tổng chi ngân sách huyện - xã, ước thực hiện là 446 tỷ đồng, đạt 153% dự toán giao, bằng 105% so với CK năm 2016.

1.5. Công tác quản lý đất đai, tài nguyên- môi trường được chú trọng; đã tiến hành rà soát quỹ đất công ích của các xã, thị trấn; cấp 128 GCNQSD đất ở, 831 GCN đất sản xuất nông nghiệp, 26 GCN đất lâm nghiệp; hoàn thành công tác thống kê đất đai năm 2016 và lập kế hoạch sử dụng đất năm 2018; thực hiện thu hồi đất và bồi thường GPMB 10 công trình, dự án; kiểm tra, xử phạt 13 trường hợp vi phạm trong bảo vệ môi trường, nộp ngân sách 98 triệu đồng; công tác kiểm tra khai thác đá, cát được chỉ đạo quyết liệt, xử phạt 04 trường hợp khai thác khoáng sản trái phép, với tổng số tiền 51 triệu đồng.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời; đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện.

2.1. Hoạt động văn hóa, thông tin tập trung tuyên truyền các chủ đề trọng tâm của tỉnh, huyện. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở được quan tâm, triển khai sâu rộng và gắn với xây dựng nông thôn mới; năm 2017 đăng ký xây dựng được 04 bản, 03 cơ quan nâng tổng số bản, cơ quan văn hóa trên toàn huyện lên 102 đơn vị, trong đó có 48 bản, 33 cơ quan, 01 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; đã tổ chức thành công Đại hội TDTT cấp huyện lần thứ VI.

Hoạt động phát thanh, truyền hình có nhiều đổi mới; sản xuất được 136 chương trình Truyền hình gốc, 483 tin bài, 12 phóng sự, 172 chương trình phát thanh, cộng tác, đưa tin Đài tỉnh 20 tin bài, 02 phóng sự; cổng thông tin điện tử huyện được duy trì và phát triển, trong năm đã có 637 tin bài, video.

2.2. Ngành Giáo dục đã hoàn thành nhiệm vụ năm học 2016-2017 và triển khai nhiệm vụ năm học 2017-2018; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp hệ THPT đạt 96,26%; chất lượng giáo dục mũi nhọn được nâng lên. thi học sinh giỏi đạt 75 giải cấp tỉnh (tăng 2 bậc so với năm 2016); quy hoạch mạng lưới trường lớp được thực hiện quyết liệt, so

với năm học 2016-2017 bậc tiểu học đã giảm 11 điểm, bậc mầm non giảm 6 điểm trường lẻ; đang thực hiện việc tuyển dụng, hợp đồng giáo viên mầm non và ngoại ngữ theo chỉ tiêu tỉnh giao; chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/HU ngày 20/9/2017 của Ban Thường vụ Huyện ủy. Cuối năm 2017, có 03 trường được công nhận chuẩn Quốc gia, nâng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia lên 43,2% (19/44 trường).

2.3. Chất lượng khám chữa bệnh được củng cố, nâng cao. Tổ chức khám chữa bệnh cho trên 48.678 lượt người (có 419 bệnh nhân Lào); đã kiểm tra 78 cơ sở kinh doanh, chế biến thực phẩm, phát hiện 41 cơ sở vi phạm, xử phạt 56 triệu đồng; công tác dân số KHHGD, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em được triển khai đồng bộ. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng là 21%, đạt 100% kế hoạch. Tổng số người tham gia các loại hình bảo hiểm đạt 40.405 người, tăng 0,6% so cùng kỳ. Cuối năm 2017, toàn huyện có 03 xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế, nâng tỷ lệ chung cả huyện lên 69,2%.

2.4. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo được quan tâm; Chi trả đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách cho 1.893 đối tượng bảo trợ xã hội, 265 đối tượng người có công; cấp 230 tấn gạo cho 635 hộ nghèo các bản biên giới, 94,5 tấn gạo cứu đói cho 1.571 hộ sau mưa lũ; cấp 37.433 thẻ BHYT miễn phí cho người nghèo, người dân tộc và bảo trợ xã hội; hỗ trợ tiền điện thấp sáng cho 3.001 hộ nghèo; tặng quà tết Nguyên đán Đinh Dậu cho các đối tượng chính sách với tổng số tiền 1.2 tỷ đồng; triển khai tốt các hoạt động kỷ niệm 70 năm Ngày Thương binh, liệt sỹ; đã giải quyết việc làm cho 930/900 lao động, tăng 3,3% kế hoạch; tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng 3,0% KH. Công tác giảm nghèo đạt kết quả tích cực, toàn huyện giảm được 595 hộ (vượt 117 hộ so với chỉ tiêu tỉnh giao), giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 34,32% (cuối năm 2016) xuống còn 27,20% (cuối năm 2017).

3. Tình hình chính trị ổn định, quốc phòng-an ninh được giữ vững, cải cách thủ tục hành chính, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được đẩy mạnh.

3.1. Các lực lượng vũ trang thường xuyên theo dõi, nắm chắc tình hình tuyến biên giới, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ. Các đồn Biên phòng thực hiện tốt công tác đối ngoại biên phòng, tổ chức các đợt tuần tra song phương bảo vệ an toàn đường biên, cột mốc; triển khai Đề án “Tăng cường công tác đảm bảo ANTT tuyến biên giới phía tây tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2021.

Hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân năm 2017; tổ chức thành công Đại hội thi đua quyết thắng LLVT giai đoạn 2012-2017; diễn tập chiến đấu phòng thủ tại 4 xã đạt kết quả tốt; huấn luyện dân quân tự vệ tại 13/13 xã, thị trấn và 16/16 đơn vị, kết quả 100% đạt yêu cầu, có 76,7% đạt khá, giỏi; kịp thời huy động lực lượng, phương tiện hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; công tác tuyển quân năm 2018 được quan tâm chỉ đạo, đã khám 284 nam thanh niên, trúng tuyển và đưa vào xét nghiệm HIV, ma túy 102 nam thanh niên; hiện nay huyện đang tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị các bước cho diễn tập chiến đấu phòng thủ huyện năm 2018, bước đầu đã tiến hành khảo sát các khu vực, khu sơ tán, căn cứ chiến đấu, khu vực tập trung và tiếp nhận dự bị động viên, các khu vực thực binh; khảo sát lập khái toán kinh phí xây dựng các công trình phục vụ diễn tập.

Lực lượng công an đã mở nhiều đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm và tệ nạn xã hội; đã tiến hành khởi tố 16 vụ/31 bị can, (*tăng 03 vụ, 15 bị can so với năm 2016*), hình sự 07 vụ/19 bị can; ma túy 09 vụ/12 bị can; quá trình điều tra thu giữ 2.706,5g hồng phiện; 3,4g heroin; 1466g nhựa thuốc phiện; 523,7g ma túy dạng đá; 19,6kg quả thuốc phiện; bắt, vận động, truy nã 02 vụ/02 đối tượng. Công tác tuần tra, đảm bảo an toàn giao thông được tăng cường, xử lý 1448 trường hợp vi phạm, phạt tiền 192 triệu đồng; xảy ra 06 vụ tai nạn giao thông làm chết 07 người và bị thương 01 người (*tăng 02 vụ, 03 người chết so với năm 2016*); đã triển khai “Đề án 1212 của UBND tỉnh về phòng chống tội phạm giết người và cố ý gây thương tích giai đoạn 2017-2020”.

3.2. Hoạt động đối ngoại được duy trì và phát triển; tổ chức thành công các hoạt động ngoại giao kinh tế như: Ký kết thỏa thuận hợp tác kinh tế - xã hội, quốc phòng-an ninh giai đoạn 2017-2018 với huyện Sầm Sơn, hỗ trợ không hoàn lại 500 triệu đồng xây dựng nhà công vụ liên ngành Sốp Phua, Sầm Sơn; bàn giao 01 ha cây ăn quả có múi cho huyện Viêng Xay, trị giá 400 triệu đồng; thực hiện tốt việc đón tiếp và hội đàm với đoàn cán bộ huyện Sầm Sơn, Hòa Phố, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào tại huyện; đã đề nghị và được tỉnh chấp thuận 03 cán bộ huyện Sầm Sơn học trung cấp Lý luận tại Thanh Hóa.

3.3. Cải cách hành chính được đẩy mạnh, đã thành lập Trung tâm hành chính công cấp huyện. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện đã nhận 2010 hồ sơ các loại, đã giải quyết 1545 hồ sơ, trả lại 135 hồ sơ không đủ điều kiện, chuyển kỳ sau 330 hồ sơ. Tăng cường kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền. Công tác bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, chuyển đổi với cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện đúng quy định. Năm 2017, UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện đã xét, khen thưởng cho 96 tập thể và 448 cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ; kỷ luật 03 cán bộ, công chức cấp xã.

3.4. Công tác tư pháp được chú trọng thực hiện, đảm bảo kế hoạch. Phòng tư pháp đã chủ động tham mưu cho UBND huyện tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật trực tiếp cho 4.103 lượt người, chứng thực 36.971 bản sao, tổng số lệ phí thu 104 triệu đồng, hòa giải thành công 91/98 vụ, đạt tỷ lệ 98%.

Công tác thanh tra, phòng, chống tham nhũng và tiếp dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo thực hiện đúng quy định; đã tiến hành 03 cuộc thanh tra; thu hồi nợ ngân sách nhà nước tổng số tiền 99 triệu đồng. Các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện đã tiếp 332 lượt người, tiếp nhận 113 đơn (*cấp xã 87 đơn; cấp huyện 26 đơn; tổng số 102 đơn phản ánh, kiến nghị, thỉnh cầu; khiếu nại 11 đơn*); đã được giải quyết xong 110/113 đơn, đạt 97,4% (*cấp xã 87 đơn; cấp huyện 23 đơn*).

4. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND huyện về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017.

Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND huyện đã quyết nghị 23 chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2017; ước thực hiện năm 2017, có 22/23 chỉ tiêu chủ yếu được HĐND huyện quyết nghị đã hoàn thành và vượt mục tiêu đề ra, 01 chỉ tiêu không hoàn thành kế hoạch;

kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu cụ thể như phụ lục đính kèm.

4. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu Nghị quyết HĐND huyện năm 2017 về phát triển kinh tế xã hội

a. Về kinh tế:

- Giá trị sản xuất đạt 1.602 tỷ đồng, tốc độ tăng giá trị sản xuất (theo giá SS 2010) từ 10% trở lên, trong đó: Giá trị sản xuất nông, lâm, nghiệp và thủy sản đạt 690 tỷ đồng, tăng 9,52% trở lên; công nghiệp- xây dựng đạt 282 tỷ đồng, tăng 8,88% trở lên; dịch vụ đạt 630 tỷ đồng, tăng 11,5% trở lên.

- Cơ cấu ngành kinh tế như sau: Nông, lâm, thủy sản chiếm 42%; Công nghiệp - xây dựng chiếm 20%; Dịch vụ chiếm 38%.

- Sản lượng lương thực có hạt đạt 15,5 nghìn tấn trở lên.

- Giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 50 triệu đồng/ha trở lên.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 700 tỷ đồng trở lên.

- Thu nhập bình quân đầu người 24 triệu đồng trở lên.

- Thu NSNN trên địa bàn tăng 10% so với kế hoạch tỉnh giao.

- Phần đầu thành lập mới từ 15 doanh nghiệp trở lên.

b. Về xã hội:

- Giải quyết việc làm cho 900 lao động (xuất khẩu 100 lao động).

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 35%.

- Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia ở các cấp học đạt 45,5% (20 trường).

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo trên 5%.

- Tốc độ tăng dân số dưới 0,9%.

- Số xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế là 10/13 xã (đạt 76,92%).

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 21%.

- Tỷ lệ nhà ở kiên cố đạt từ 50% trở lên.

c. Về môi trường:

- Duy trì tỷ lệ che phủ rừng trên 88%, đi đôi với nâng cao chất lượng rừng.

- Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch đạt 65%.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 90%.

d. Về xây dựng nông thôn mới, đô thị hóa:

- Phần đầu đạt bình quân 12,5 tiêu chí/xã; 11,2 tiêu chí/bản.

- Tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn (không tính Quốc lộ và tỉnh lộ) được cứng hóa đạt 45% trở lên.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 13,6% trở lên.

- Phần đầu có 02 bản kiểu mẫu (đạt tiêu chí tại Quyết định số 488/2014/QĐ-UBND ngày 17/02/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa).

e) Về an ninh trật tự

- Tỷ lệ xã, thị trấn đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự đạt từ 80% trở lên.

* Những kết quả nêu trên đạt được do nhiều nguyên nhân song chủ yếu là được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự chỉ đạo quyết liệt, cụ thể có trọng tâm, trọng điểm của UBND huyện; sự chủ động, trách nhiệm của các phòng, ban, ngành và chính quyền cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ được giao; đặc biệt là sự đồng tình ủng hộ, sự tin tưởng của nhân dân đối với sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền trong việc thực hiện các mục tiêu đề ra.

PHẦN THỨ HAI

CÔNG TÁC THỐNG ĐẤT ĐAI NĂM 2017

I. HÌNH THỨC TRIỂN KHAI VÀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP SỐ LIỆU.

1. Công tác triển khai.

UBND huyện Quan Sơn thành lập tổ thống kê đất đai và xây dựng kế hoạch thống kê đất đai, dựa vào các tài liệu sẵn có của địa phương, khảo sát thực địa, khoanh vẽ những thửa đất biến động lên trên bản đồ làm căn cứ để xây dựng bản đồ nền, thống kê từng loại đất có đến ngày 31/12/2017.

2. Phương pháp thu thập số liệu.

Bản đồ điều tra khoanh vẽ: Việc điều tra, khoanh vẽ thực hiện trên bản đồ địa chính đo vẽ năm 2009, bản đồ địa chính cơ sở, đồng thời tham khảo thêm nguồn bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2015.

Thông tin hiện trạng sử dụng đất được thu thập bằng phương pháp điều tra, khoanh vẽ từ hồ sơ địa chính và các hồ sơ thủ tục hành chính về đất đai, hồ sơ thanh tra kiểm tra sử dụng đất đã thực hiện ở các cấp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết hợp điều tra thực địa để rà soát chỉnh lý khu vực biến động và khoanh vẽ bổ sung các trường hợp sử dụng đất chưa thể hiện trên bản đồ địa chính.

Các khu đất có cùng mục đích sử dụng và đối tượng sử dụng thống nhất trên hồ sơ địa chính và ngoài thực địa thì khoanh vẽ thành 1 khoanh đất.

II. KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2017.

1. Phạm vi thống kê đất đai:

Được thực hiện trên toàn xã, số liệu thống kê đất đai được tổng hợp từ các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có sử dụng đất đã được kiểm kê đất đai đến 31/12/2017.

2. Đối tượng, nội dung thống kê đất đai:

Kiểm kê người sử dụng, quản lý đất theo mục đích sử dụng đất.

3. Chỉ tiêu thống kê đất đai gồm:

Chỉ tiêu thống kê diện tích đất theo mục đích sử dụng đất; Chỉ tiêu thống kê đất đai về loại đối tượng sử dụng đất; loại đối tượng được nhà nước giao quản lý đất.

4. Tổng diện tích tự nhiên trong địa giới hành chính.

Được thống kê theo diện tích các loại đất nằm trong đường địa giới hành chính để thành lập đơn vị hành chính của Chính phủ.

5. Kết quả thực hiện.

Sau khi tổng hợp số liệu kết quả thống kê đất đai tính đến ngày 31/12/2017 của huyện Quan Sơn cụ thể như sau:

TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN : 92.662,45 ha

1. Nhóm đất nông nghiệp: 82.505,39 ha, chiếm 89.04 % tổng diện tích tự nhiên, gồm :

- a) Đất sản xuất nông nghiệp: 2.522,02 ha chiếm 2.72 % diện tích tự nhiên.
- b) Đất lâm nghiệp: 79.910,75 ha, chiếm 86,24 % diện tích tự nhiên.
- c) Đất nuôi trồng thủy sản: 72,63 ha, chiếm 0.08 % diện tích tự nhiên;

2. Nhóm đất phi nông nghiệp: 2.652,01 ha, chiếm 2.86% diện tích tự nhiên, gồm:

- a) Đất ở tại nông thôn: 347,17 ha, chiếm 0.37 % diện tích tự nhiên;
- b) Đất ở tại đô thị: 11,36 ha, chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên;
- c) Đất chuyên dùng: 767,61 ha, chiếm 0.83 % diện tích tự nhiên.
- d) Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 226,78 ha, chiếm 0,24 % diện tích tự nhiên;
- e) Đất sông suối, kênh, rạch: 1.299,09 ha, chiếm 1,40 % diện tích tự nhiên;

3. Nhóm đất chưa sử dụng: 7.505,04 ha, chiếm 8.10 % diện tích tự nhiên.

CƠ CẤU DIỆN TÍCH THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VÀ ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG, QUẢN LÝ ĐẤT.

1. Về Đối tượng sử dụng :

- * *Hộ gia đình, cá nhân*: 39.169,03 ha, chiếm 42.27 % diện tích tự nhiên.
- * *Các tổ chức kinh tế* : 49,67 ha, chiếm 0.05 % diện tích tự nhiên.
- * *Cơ quan, đơn vị của nhà nước*: Sử dụng 29.408,70 ha, chiếm 31.74% diện tích tự nhiên.
- * *Tổ chức sự nghiệp công lập*: Sử dụng 14.633,00 ha, chiếm 15.79% diện tích tự nhiên.

2. Đối tượng quản lý :

- **UBND xã quản lý:** 7.860,84 ha, chiếm 8.48 % diện tích tự nhiên.
- **Cộng đồng dân cư và Tổ chức khác:** 1.541,21 ha, chiếm 1.66% diện tích tự nhiên.

PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG.

- So sánh tăng giảm giữa kỳ thống kê năm 2016 với năm 2016 và năm 2014.

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Mã	Diện tích năm 2017	So với năm 2014		So với năm 2016		Ghi chú
				Diện tích năm 2014	Tăng (+) giảm (-)	Diện tích năm 2016	Tăng (+) giảm (-)	
	Tổng diện tích đất của ĐVHC (1+2+3)		92662.45	92662.45	0.00	92662.45	0.00	
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	82505.39	82564.85	-59.46	82520.25	14.86	
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	2522.02	2539.79	-17.77	2528.58	-6.56	
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	1539.67	1548.51	-8.84	1541.73	-2.06	
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	1206.73	1209.62	-2.89	1207.05	-0.32	
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	332.93	338.89	-5.96	334.68	-1.75	
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	982.35	991.28	-8.93	986.84	-4.49	
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	79910.75	79952.36	-41.61	79919.04	-8.29	
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	43473.27	43499.82	-26.55	43481.15	-7.88	
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	36437.47	36452.55	-15.08	36437.90	-0.43	
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD						
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	72.63	72.70	-0.07	72.63	0.00	
1.4	Đất làm muối	LMU						
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH						
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	2652.01	2574.57	77.44	2622.29	29.72	
2.1	Đất ở	OCT	358.53	351.10	7.43	353.38	5.15	
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	347.17	340.34	6.83	342.73	4.44	
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	11.36	10.76	0.60	10.65	0.71	
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	767.61	702.60	65.01	743.02	24.59	
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9.45	8.34	1.11	9.25	0.20	
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	12.90	11.38	1.52	12.90	0.00	
2.2.3	Đất an ninh	CAN	1.78	1.78	0.00	1.78	0.00	
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	80.44	62.92	17.52	64.91	15.53	
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	51.38	46.03	5.35	49.74	1.64	
2.2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	611.66	572.14	39.52	604.44	7.22	
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON						
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN						
2.5	Đất nghĩa trang, NĐ, nhà tang lễ, nhà IT	NTD	226.78	226.81	-0.03	226.79	-0.01	

2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1299.09	1294.06	5.03	1299.09	0.00	
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC						
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK						
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	7505.04	7523.03	-17.99	7519.91	14.87	
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	343.48	346.82	-3.34	344.27	-0.79	
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	4914.01	4914.58	-0.57	4914.01	0.00	
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	2247.56	2261.63	-14.07	2261.63	14.07	

DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT BIẾN ĐỘNG TĂNG, GIẢM TỪ 01/01/2017 ĐẾN 31/12/2017.

* Đất trồng lúa có đến 31/12/2017: 1.206,74 ha giảm 0,32 ha. Do thu hồi mở rộng, nâng cấp đường giao thông liên xã, liên thôn, xây dựng thao trường huấn luyện Ban chỉ huy quân sự huyện.

* Đất trồng cây hàng năm khác có đến 31/12/2017: 332,93 ha giảm 1,75 ha. Do thu hồi mở rộng, nâng cấp đường giao thông liên xã, liên thôn và chuyển mục đích từ đất cây hàng năm khác sang đất ở.

* Đất trồng cây lâu năm có đến 31/12/2017: 982,39 ha giảm 4,49 ha. Do thu hồi mở rộng, nâng cấp đường giao thông liên xã, liên thôn, xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất cây lâu năm sang đất ở.

* Đất lâm nghiệp đến 31/12/2017: 79.910,75 ha giảm 8,29 ha. Do thu hồi mở rộng, nâng cấp đường giao thông liên xã, liên thôn và xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp.

* Đất nuôi trồng thủy sản có đến 31/12/2017: 72,63 ha.

* Đất ở có đến 31/12/2017: 358,53 ha tăng 5,15 ha. Chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm, đất rừng sản xuất sang đất ở.

* Đất trụ sở có đến 31/12/2017: 9,45 ha tăng 0,2 ha. Do chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang.

* Đất quốc phòng có đến 31/12/2017: 12,90 ha tăng 00 ha.

* Đất xây dựng công trình sự nghiệp có đến 31/12/2017: 80,44 ha tăng 15.53 ha. Do chuyển từ đất rừng sản xuất và đất trồng cây hàng năm sang, đất chưa sử dụng sang đất công cộng để phát triển du lịch.

* Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp có đến 31/12/2017: 51,44 ha tăng 1.64 ha. Do chuyển từ đất rừng sản xuất và đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất bằng chưa sử dụng sang.

* Đất có mục đích công cộng tính đến 31/12/2017: 611,66 ha tăng 7,22 ha. Do chuyển từ đất rừng sản xuất và đất trồng cây hàng năm, đất bằng chưa sử dụng, đất rừng phòng hộ và đất sản xuất nông nghiệp sang.

* Đất nghĩa trang, nghĩa địa có đến 31/12/2017: 226,78 ha giảm 0,01 ha.

* Đất có sông suối, mặt nước chuyên dùng tính đến 31/12/2017: 1.299,09 ha.

* Đất chưa sử dụng tính đến 31/12/2017: 7505,04 ha giảm 14,87 ha. Do đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

(có bảng biểu chi tiết kèm theo)

6. Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến 31/12/2017.

Trong giai đoạn 2010 - 2020 xã lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất gần Quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất chỉ đáp ứng được phần nào chương trình xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, trong Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2010 - 2020 huyện Quan Sơn không có chỉ tiêu chi tiết, cụ thể các loại đất đến 31/12/2017 cho các xã. Do vậy, việc đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến 31/12/2017 đối với cấp xã chỉ mang tính khái quát.

7. Đánh giá tình hình sử dụng đất theo mục đích được giao, được thuê, được chuyển mục đích sử dụng.

Việc sử dụng, quản lý đất đai trên địa bàn xã tuân thủ theo các quy định của pháp luật về đất đai. Việc sử dụng đất nông nghiệp, đặc biệt là đất sản xuất nông nghiệp đang mang lại hiệu quả sử dụng một cách triệt để và hiệu quả về mặt kinh tế.

8. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thuận lợi: Xã đã thực hiện đo đạc địa chính toàn bộ đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp, nên công tác lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuận lợi hơn. Công tác quản lý hồ sơ địa chính đã thực hiện quản lý 3 cấp xã, huyện, tỉnh.

- Khó khăn: Đất lâm nghiệp và đất đồi núi chưa sử dụng chưa đo đạc nên gặp khó khăn trong công tác quản lý. Trình tự, thủ tục, mẫu giấy chứng nhận hay thay đổi, nên tiến độ cấp giấy chứng nhận chậm.

- Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của nhân dân khi thực hiện việc nộp lệ phí chức bạ và tiền sử dụng đất trước khi cấp giấy chậm, dẫn đến công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa hoàn thành.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG :

Công tác Thống kê đất đai năm 2017 là một trong những nhiệm vụ quan trọng, qua đó giúp địa phương nắm chắc quỹ đất hiện trạng đang sử dụng về cơ

cầu các loại đất, tạo tiền đề trong việc hoạch định các chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

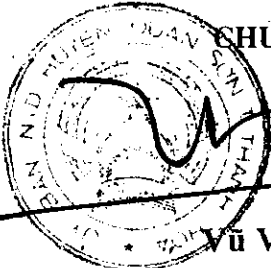
IV. KẾT LUẬN:

Số liệu thống kê kiểm kê đất đai năm 2017 huyện Quan Sơn đã được tổng hợp đầy đủ, là số liệu tin cậy, sát với thực tế, đồng thời làm cơ sở cho việc đánh giá, xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của xã từ nay trở về sau. Đề nghị UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường cùng các ngành có chức năng xem xét phê duyệt.

Trên đây là kết quả Thống kê đất đai đến ngày 31/12/2017, UBND huyện Quan Sơn kính báo cáo.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT;
- TT huyện Ủy (b/c);
- TT HĐND (b/c);
- TT UBND huyện (b/c);
- Lưu: VT.

 **CHỦ TỊCH**

Vũ Văn Đạt